

Thứ sáu, ngày 21 tháng 7 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index bật tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/7/2023		•	
Tuần 24/7-28/7/2023		•	
Tháng 07/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi đi ngang cả buổi sáng, thị trường bật tăng trong phiên chiều và đóng cửa tại 1,185.90 điểm, tăng hơn 13 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên HNX. Thanh khoản tích cực ủng hộ đà tăng của chỉ số hôm nay. VN-Index có thể tiếp cận ngưỡng kháng cự 1,200 trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/7/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

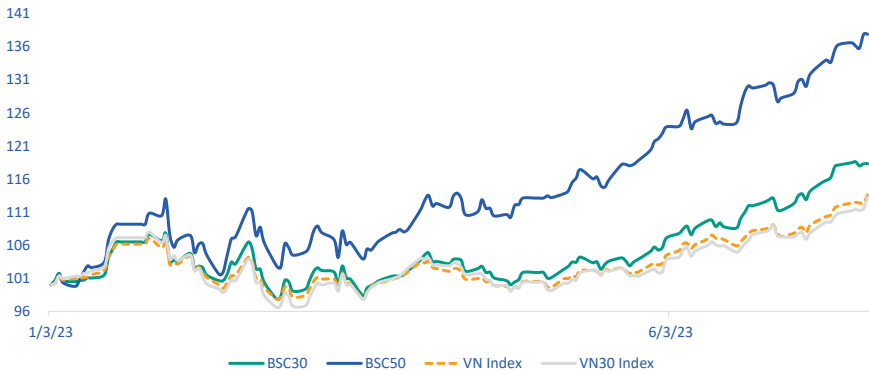
Điểm nhấn:

- VN-Index **+13.09** điểm, đóng cửa **1185.9** điểm. HNX-Index **+1.91** điểm, đóng cửa **234.98** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.44)**, **MSN (+1.27)**, **MWG (+1.26)**, **VPB (+0.69)**, **BID (+0.64)**.
- Kéo chỉ số giảm: **DHG (-0.32)**, **BCM (-0.18)**, **TMS (-0.09)**, **PGD (-0.04)**, **VSH (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,389** tỷ đồng, tăng **19.09%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **20,273** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **13.83** điểm. Thị trường có **348** mã tăng, **53** mã tham chiếu, **120** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **126.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (121.82 tỷ)**, **VNM (88.93 tỷ)**, **MSN (76.31 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.86** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **1.17%**. Các mã diễn biến tích cực: **MWG (+6.92%)**, **KBC (+5.68%)**, **MSN (+4.40%)**.
- BSC50 **+1.31%**. Các mã diễn biến tích cực: **DIG (+6.90%)**, **DGW (+6.81%)**, **DBC (+4.83%)**.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1185.90**
Giá trị: 18388.57 tỷ **13.09 (1.11%)**
Khối ngoại (ròng): 126.59 tỷ

HNX-INDEX **234.98**
Giá trị: 1442.66 tỷ **1.91 (0.82%)**
Khối ngoại (ròng): -2.86 tỷ

UPCOM-INDEX **88.15**
Giá trị: 736.78 tỷ **0.5 (0.57%)**
Khối ngoại (ròng): -20.89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.4	-0.46%
Giá vàng	1,976	-0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,734	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,328	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	16,678	-1.04%
LS liên NH 1 tháng	1.8%	0.33%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-0.02%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	121.82	MSB	-129.53
VNM	88.93	POW	-59.46
MSN	76.31	MWG	-57.35
KBC	45.37	CTG	-50.68
VHC	34.70	FUEVFVNI	-47.31

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 21/7

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	75.40	-0.46%	-0.46%	5.92%	-22.17%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	79.54	-0.11%	-0.71%	4.81%	-22.30%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.72	1.04%	2.08%	8.04%	-13.17%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.62	-0.28%	-0.39%	2.01%	-66.81%		
TTF Gas	EUR/MWh	26.96	-0.39%	1.22%	-30.34%	-82.61%		
Vàng	Ounce	1976.48	-0.11%	0.99%	2.10%	16.51%		PNJ
Bạc	Ounce	25.15	0.30%	4.21%	8.49%	34.84%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	-0.03%	3.27%	5.91%	10.44%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	13.75	-0.79%	-0.87%	-7.97%	-39.02%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	128.50	-0.54%	-2.21%	-3.24%	-18.57%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	LB	24.21	1.47%	1.25%	-7.67%	29.67%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	LB	152.40	-1.84%	-4.00%	-14.12%	-30.14%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	410.00	5.81%	8.61%	36.44%	-43.25%		DPM, DCM
Niken	LB	20840.00	0.14%	1.65%	-6.97%	1.45%		PC1
Đồng	LB	3.80	-0.29%	-1.14%	-2.02%	14.23%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3688.00	0.27%	0.14%	-1.44%	-3.02%		HPG
Nhôm	Ton	2194.00	-0.43%	-1.88%	-1.61%	-9.53%	CAV, SAM	
Quặng sắt	Ton	116.50	0.87%	6.39%	-0.43%	15.35%	HPG	
Than đá	Ton	131.00	-2.49%	1.51%	3.52%	-67.94%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

- Giá dầu

 - Giá dầu tăng, do tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm và nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc tăng mạnh, song triển vọng nhu cầu yếu đã hạn chế đà tăng.
- Giá vàng

 - Giá vàng giảm từ mức cao nhất 2 tháng, do đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng, song kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tạm dừng tăng lãi suất sau cuộc họp trong tháng 7/2023 đã hạn chế đà suy giảm giá.
- Giá khí tự nhiên

 - Giá khí tự nhiên tại Mỹ tăng 6% lên mức cao nhất 2 tuần, do tồn trữ thấp hơn so với dự kiến, sản lượng hàng ngày giảm, dự báo nhu cầu trong tuần tới cao hơn so với dự kiến trước đó và thời tiết đến đầu tháng 8/2023 nóng hơn bình thường, đặc biệt tại bang Texas.
- Giá hàng hóa khác

 - Giá lúa mì tại Mỹ giảm, song vẫn gần mức cao đỉnh điểm mới đây, do lo ngại về sự gián đoạn xuất khẩu cần thiết để đáp ứng nhu cầu thế giới và ngăn chặn giá lương thực tăng cao.

	21/7	% 21/7	20/7	% 20/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1185.90	1.12%	1172.81	10.82%	1.50%	6.03%
S&P 500			4534.87	-0.68%	0.55%	2.84%
HDTL S&P500	4574.00	0.19%	4565.50	7.77%	0.82%	3.14%
Shang-hai	3167.75	-0.06%	3169.52	-3.49%	-2.16%	-2.70%
Euro Stoxx	4369.75		4373.73	2.31%	-0.69%	1.09%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/11/2023	ELC	14.8	16.9	13.8	15.3	10	3.73%	Có thể tiếp tục mua
5/23/2023	REE	61.5	70.0	58.0	65.4	59	6.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

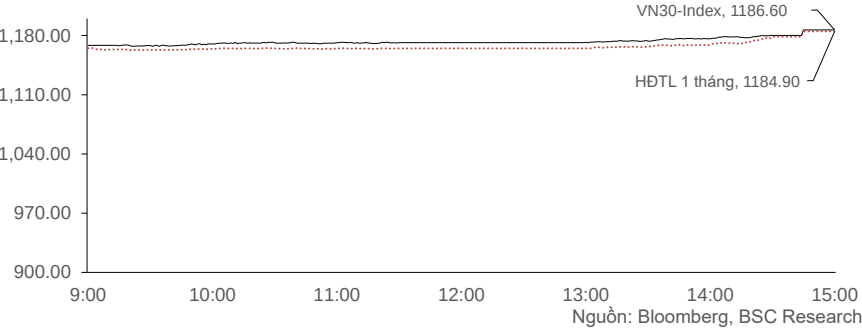
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/12/2023	CTD	64.6	72	61	TP	56	11.46%
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
3/7/23	HPG	21.1	25	19.8	TP	107	18.48%
12/19/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích: Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	0	5.08%	0.00%	5.08%	35
Cổ phiếu đã chốt	256	232	7.01%	-7.45%	4.08%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1170.00	1.65%	-16.60	74.6%	117	12/21/2023	153
VN30F2403	1168.20		-18.40		123	3/21/2024	244
VN30F2308	1184.90	1.88%	-1.70	367.2%	136,587	8/17/2023	27
VN30F2309	1183.20	2.04%	-3.40	437.7%	371	9/21/2023	62

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 18.34 điểm lên 1186.6 điểm, biên độ dao động 20.05 điểm. Các cổ phiếu như MWG, MSN, VPB, STB, và VHM đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên và đóng cửa tăng 1.57%. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng,tất cả các HDTL đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các HDTL đều tăng trừ HDTL VN30F2403 và VN30F2312.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2302	11/9/2023	111	6:1	600,300	40.88%	1,100	940	51.61%	1,059	0.89	22,200	50,000	52,500
CHPG2305	8/7/2023	17	2:1	44,500	43.37%	2,400	2,500	13.64%	2,629	0.95	24,500	23,200	28,400
CSTB2225	11/1/2023	103	2:1	474,100	42.70%	2,600	4,500	10.57%	4,333	1.04	108,400	20,500	28,750
CSTB2224	9/5/2023	46	2:1	267,600	42.70%	1,640	4,480	9.80%	4,436	1.01	103,200	20,000	28,750
CHPG2302	9/27/2023	68	2:1	200	43.37%	1,000	4,470	9.29%	4,311	1.04	25,040	20,000	28,400
CFPT2214	11/1/2023	103	10:1	6,500	19.78%	1,870	2,140	7.54%	712	3.01	81,200	76,000	81,000
CVPB2301	9/27/2023	68	4:1	209,900	35.42%	2,100	790	6.76%	583	1.36	44,520	19,800	21,400
CFPT2210	8/31/2023	41	10:1	1,117,600	19.78%	1,300	640	6.67%	16	39.49	29,260	90,000	81,000
CHPG2226	9/5/2023	46	2:1	10,500	43.37%	1,510	4,530	6.59%	4,509	1.00	96,000	19,500	28,400
CTCB2215	9/5/2023	46	4:1	186,600	37.86%	1,350	1,620	5.88%	1,513	1.07	53,060	26,500	32,300
CHPG2306	11/9/2023	111	3:1	184,200	43.37%	1,970	2,960	5.71%	2,947	1.00	23,300	20,000	28,400
CVPB2214	9/5/2023	46	4:1	596,600	35.42%	1,650	1,170	3.54%	1,130	1.04	42,040	17,000	21,400
CVPB2214	9/5/2023	46	4:1	596,600	35.42%	1,650	1,170	3.54%	1,130	1.04	42,040	17,000	21,400
CFPT2303	11/9/2023	111	10:1	157,400	19.78%	2,240	990	3.13%	203	4.88	94,500	86,000	81,000
CVRE2220	9/5/2023	46	4:1	758,700	36.85%	2,500	340	3.03%	220	1.55	34,380	30,000	28,400
CMBB2215	11/1/2023	103	2:1	307,600	32.50%	1,700	2,500	2.88%	873	2.86	25,600	18,000	18,650
CHPG2227	11/1/2023	103	2:1	298,900	43.37%	1,100	4,390	2.33%	4,172	1.05	19,589	20,500	28,400
CMBB2303	8/7/2023	17	2:1	59,400	32.50%	2,000	600	1.69%	17	36.20	25,520	20,800	18,650
CFPT2213	9/5/2023	46	10:1	29,500	19.78%	2,350	2,000	0.00%	717	2.79	94,700	74,500	81,000
CVHM2220	11/1/2023	103	5:1	193,300	36.86%	2,100	1,470	-1.34%	1,095	1.34	28,160	58,000	59,000
Tổng				6,100,000	35.25%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/7/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2213 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 6.91%. Giá trị giao dịch giảm 0%. CFPT2213 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.91%.
- CVIB2201, CVIB2301, CVNM2212, và CVPB2212 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2306, CHPG2302, CHPG2226, và CHPG2227 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2301, CHPG2226, CHPG2303, và CHPG2302 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
MWG	52.50	6.92	3.85
MSN	83.00	4.40	2.32
VPB	21.40	1.90	1.94
STB	28.75	3.23	1.75
VHM	59.00	2.25	1.46

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
TPB	18.8	-0.27	-0.07
POW	13.3	-0.38	-0.03
BCM	79.6	-0.87	-0.03
SAB	153.1	-0.07	-0.01
VCB	105.0	0.00	0.00

Source: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	59.00	2.25	1.44	3.60MLN
MSN	83.00	4.40	1.27	2.08MLN
MWG	52.50	6.92	1.26	11.73MLN
VPB	21.40	1.90	0.69	28.60MLN
BID	46.75	1.08	0.64	1.42MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
DHG	129.90	-6.95	0	242900.00
BCM	79.60	-0.87	0	541700
TMS	53.70	-5.12	0	8900
PGD	46.00	-3.97	0	51200
VSH	44.00	-1.57	0	14300

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

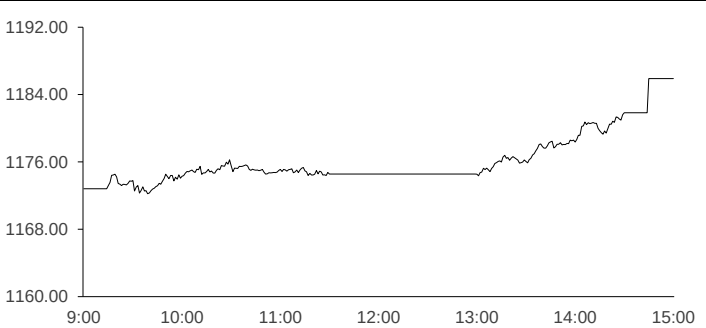
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPH	7.84	6.96	0.01	1.01MLN
PDR	20.80	6.94	0.23	25.14MLN
CLW	33.15	6.94	0.01	1100
MWG	52.50	6.92	1.26	11.73MLN
DIG	24.80	6.90	0.25	41.03MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHG	129.90	-6.95	-0.32	242900
BCM	79.60	-0.87	-0.18	541700
TMS	53.70	-5.12	-0.09	8900.00
PGD	46.00	-3.97	-0.04	51200
VSH	44.00	-1.57	-0.04	14300

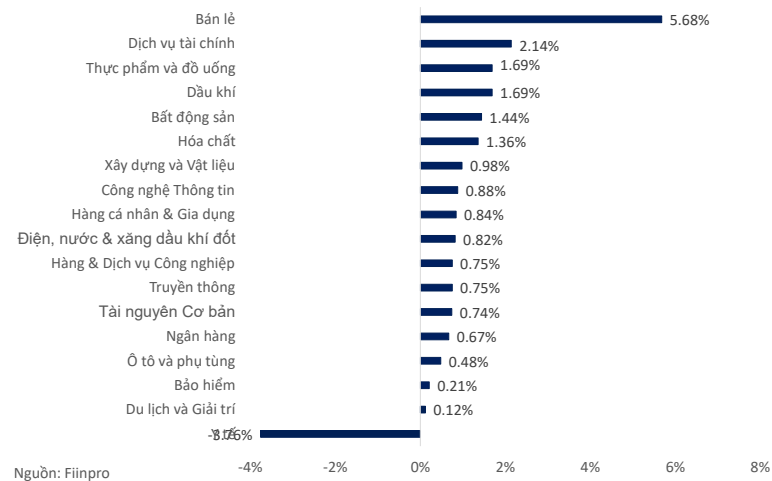
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	14.70	2.08	0.38	22.43MLN
IDC	45.40	1.11	0.19	3.10MLN
PVS	34.30	1.18	0.16	3.45MLN
SLS	205.70	10.00	0.15	12000.00
BAB	14.30	0.70	0.12	6700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVI	55.90	-3.62	-0.12	102000
EVS	15.30	-3.16	-0.06	918100
THD	40.00	-0.25	-0.06	8100
DP3	69.00	-3.90	-0.04	30500
NTP	42.80	-1.15	-0.03	134500

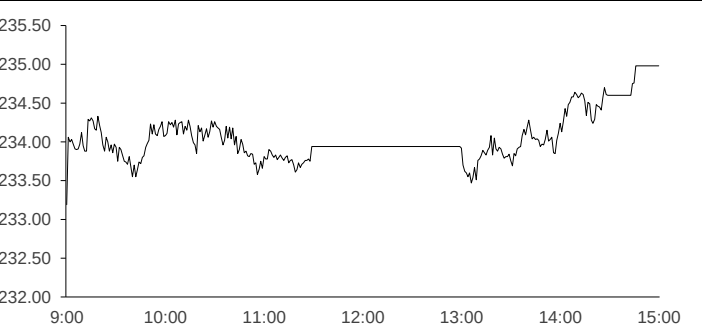
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIH	31.90	10.0	0.02	21400
SLS	205.70	10.0	0.15	12000
VMS	28.70	10.0	0.02	24900
CSC	37.90	9.9	0.09	574800
TMB	32.40	9.8	0.03	47400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

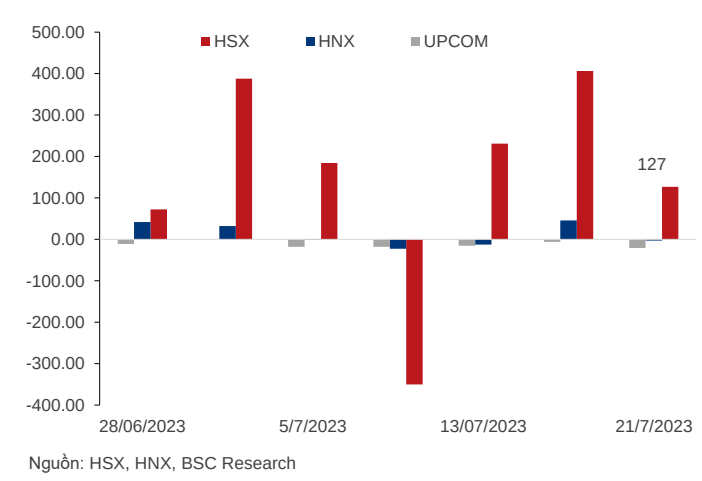
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	35.10	-10.00	-0.01	100
VHL	15.60	-8.77	-0.03	100
STC	19.10	-8.61	-0.01	2500
TMX	11.00	-8.33	0.00	100
TKC	1.30	-7.14	0.00	356500

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

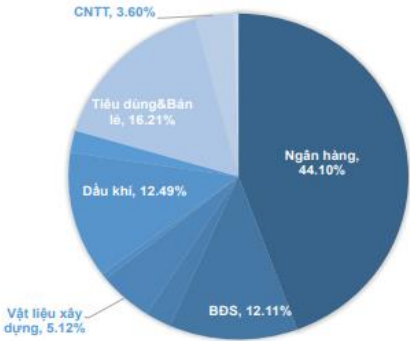
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	105.0	0.0%	0.8	21,605	3.0	7,311	14.4	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	46.8	1.1%	1.0	10,282	2.9	4,208	11.1	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	21.4	1.9%	1.1	6,246	26.4	3,972	5.4	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	32.3	1.3%	1.4	4,939	7.2	14,982	2.2		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.7	1.1%	1.4	4,228	6.8	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	28.8	3.2%	1.3	2,357	36.3	4,640	6.2	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	22.0	2.3%	1.1	3,826	2.0	4,603	4.8	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	32.6	5.7%	1.6	1,086	20.6	4,880	6.7	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	45.4	1.1%	1.8	651	6.1			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	47.3	1.7%	1.7	922	3.2	1,217	38.9		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.4	0.7%	1.0	7,180	22.7	1,916	14.8	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	59.0	2.3%	0.9	11,170	9.1	1,896	31.1	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	28.4	1.2%	1.1	2,806	6.2	5,227	5.4	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	32.9	2.3%	0.4	1,024	3.1	1,576	20.8	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	38.1	1.5%	1.6	635	7.2	2,557	14.9	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	73.0	0.1%	1.5	1,205	10.4	14,120	5.2	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	37.4	1.9%	1.3	636	4.6	6,793	5.5	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	29.1	0.0%	0.8	670	4.1	2,625	11.1	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	99.4	0.7%	0.7	8,272	2.3	2,292	43.4	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.5	2.0%	1.1	2,237	3.0	1,340	30.2	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	1.2%	1.2	713	5.1	993	34.5	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.1	1.2%	1.4	607	2.6	7,698	3.3	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.3	-0.4%	1.1	1,349	5.8	3,895	3.4	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	73.5	1.2%	1.2	6,679	10.6	2,605	28.2	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	83.0	4.4%	1.2	5,163	7.3	3,456	24.0	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	52.5	6.9%	1.5	3,338	26.2	7,475	7.0	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.0	1.4%	0.8	1,141	3.6	2,965	27.0	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	75.3	0.8%	1.2	600	1.3	12,800	5.9	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	57.5	0.5%	0.7	753	2.4	7,059	8.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	81.0	0.9%	0.8	4,472	4.4	5,901	13.7	91,900	49.0%	Link

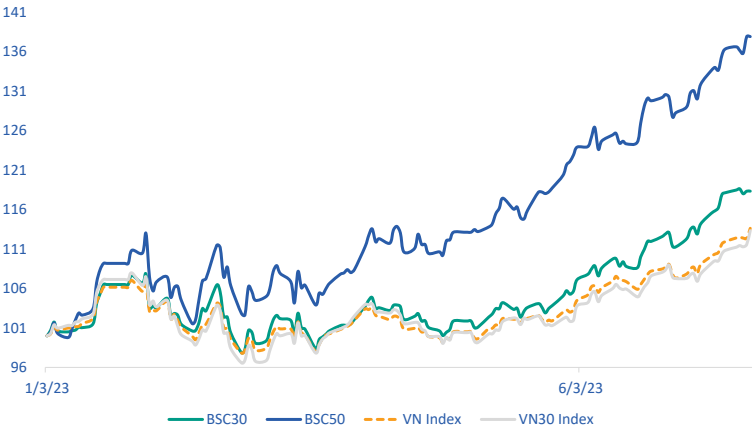
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.17%	1.31%	0.96%	1.22%
1 tuần	2.88%	3.59%	2.09%	1.76%
1 tháng	6.37%	7.16%	3.75%	3.84%
3 tháng	11.93%	19.57%	7.85%	6.10%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.7	0.2%	1.2	6,206	7.1	3,520	8.4	1.3	27.1%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.1	0.5%	1.0	3,732	6.4	3,742	5.9	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	17.2	1.2%	0.9	2,163	2.8	2,738	6.3	1.3	19.5%	22.6%
LPB	Ngân hàng	16.3	0.0%	1.5	1,222	3.6	2,732	5.9	1.1	4.2%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.6	0.2%	1.3	2,267	2.8	3,469	5.9	1.6	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	18.8	3.6%	2.0	995	33.6	489	38.4	1.6	23.3%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.8	-0.3%	1.1	1,795	7.4	2,697	7.0	1.3	29.2%	19.8%
SSI	chứng khoán	28.8	2.7%	1.7	1,874	20.2	1,120	25.7	1.9		7.9%
CII	Xây dựng	20.2	3.6%	1.9	249	16.1	218	92.8	0.9	9.0%	1.0%
C4G	Xây dựng	14.5	1.4%	2.1	213	1.7	791	18.3	1.3	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	79.2	0.3%	2.0	256	1.3	184	430.5	0.7	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.9	1.3%	1.7	227	3.4	903	17.6	0.7	4.5%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.8	0.7%	2.2	114	3.0	812	17.0	1.0	3.3%	6.1%
BCM	KCN	79.6	-0.9%	0.9	3,582	1.9	1,170	68.0	4.9	2.7%	8.1%
HUT	KCN	20.8	1.0%	1.5	315	2.1	162	128.5	1.9	1.9%	1.4%
PHR	KCN	51.2	0.4%	1.4	302	0.8	6,557	7.8	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	36.6	1.1%	1.9	191	1.8	1,393	26.2	2.8	2.9%	8.9%
HSG	Vật liệu	18.2	3.7%	2.1	487	15.5	(1,694)		1.1	17.7%	-9.6%
HT1	Vật liệu	17.1	0.6%	1.5	284	1.3	166	102.9	1.3	3.4%	1.2%
NKG	Vật liệu	19.7	2.6%	2.3	226	7.0	(2,586)		1.0	10.6%	-11.8%
PTB	Vật liệu	52.5	1.4%	1.1	153	0.9	6,017	8.7	1.3	16.6%	15.7%
KSB	Vật liệu	32.2	0.6%	1.8	107	3.3	1,393	23.1	1.3	3.3%	5.6%
NVL	BDS	15.2	2.4%	1.0	1,285	22.6	362	41.8	0.8	3.5%	1.9%
DXG	BDS	16.5	3.5%	2.3	436	17.7	(240)		1.1	18.5%	-1.6%
HDC	BDS	38.9	-0.3%	1.5	228	3.6	2,526	15.4	2.8	2.0%	20.9%
DIG	BDS	24.8	6.9%	2.6	658	42.9	262	94.8	2.2	5.7%	2.1%
IJC	BDS	14.9	1.0%	2.0	163	1.5	1,662	8.9	1.0	6.3%	11.2%
BSR	Dầu khí	18.2	0.6%	1.4	2,453	4.3	4,750	3.8	1.1	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.8	1.1%	1.2	335	3.2	2,740	8.7	1.2	14.5%	15.4%
PLC	Săm lốp	38.3	1.9%	1.8	135	0.6	1,355	28.3	2.5	1.3%	8.2%
DRC	Tiện ích	22.9	0.4%	1.3	118	0.5	1,971	11.6	1.6	9.8%	13.4%
REE	Tiện ích	65.4	1.2%	0.8	1,162	2.5	6,714	9.7	1.7	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	21.4	2.9%	2.0	790	18.3	10	2138.0	1.5	11.7%	0.1%
NT2	Tiện ích	30.8	0.8%	0.8	385	1.3	2,473	12.4	1.9	15.5%	15.6%
HDG	Tiện ích	32.7	1.2%	1.7	435	1.6	3,775	8.7	1.8	25.0%	22.6%
PC1	Tiện ích	29.0	3.4%	1.4	341	6.8	1,257	23.1	1.5	6.2%	6.8%
GEG	Tiện ích	15.3	0.0%	1.1	227	1.1	902	17.0	1.7	46.4%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.8	2.3%	2.2	227	12.8	220	44.5	0.8	1.7%	1.5%
SAB	Bán lẻ	153.1	-0.1%	0.2	4,269	0.8	7,649	20.0	4.1	62.3%	22.1%
QNS	Bán lẻ	53.5	0.9%	0.6	830	2.6	4,226	12.7	2.2	16.9%	17.5%
FRT	Bán lẻ	77.2	0.9%	1.6	457	8.4	1,620	47.7	5.3	33.3%	11.5%
DGW	Bán lẻ	54.9	6.8%	2.0	399	7.1	3,397	16.2	3.6	24.5%	24.7%
DBC	Bán lẻ	26.1	4.8%	2.1	274	12.5	(1,339)		1.5	7.7%	-7.2%
PET	Bán lẻ	30.3	2.9%	2.3	130	1.2	1,026	29.5			4.3%
BAF	Bán lẻ	24.3	0.6%		152	3.4	1,409	17.3	1.8	0.1%	11.8%
ANV	Thủy sản	37.3	1.6%	1.6	216	2.8	4,368	8.5	1.6	3.9%	20.1%
VSC	Logistics	35.5	-1.1%	0.5	187	1.5	2,087	17.0	1.6	3.4%	9.4%
HAH	Logistics	49.3	3.0%	1.3	151	3.9	9,072	5.4	1.4	4.6%	34.4%
CTR	Công nghệ	74.0	-0.1%	1.4	368	0.7	4,040	18.3	4.8	10.1%	29.3%
TNG	Dệt may	20.6	-0.5%	1.7	102	1.1	2,665	7.7	1.4	20.9%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639